

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN L
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 13/2024/HS-ST
Ngày: 22 - 02 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thị Mỹ Xuân.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Thế;

Bà Chung Thị Thu Nguyệt.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Đình Duẩn, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Bà Lý Băng Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Đồng Tháp mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 03/2024/TLST-HS, ngày 15 tháng 01 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2024/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 01 năm 2024 đối với bị cáo:

Họ và tên: Bùi Lý T, sinh ngày 11/3/1996, tại tỉnh Đồng Tháp; giới tính: Nam; đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Số B ấp T, xã T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 12/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không có; con ông: Bùi Út E và bà: Lại Thị L; vợ là Võ Thị Cẩm T1; Chưa có con; tiền án: Không có; tiền sự: Không có; tạm giữ, tạm giam: Không; Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện bị cáo đang tại ngoại; bị cáo T có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Bà Đặng Thị B, sinh ngày 01/01/1949; (đã chết).

Người đại diện hợp pháp của bị hại Đặng Thị B:

1/ Ông Hồ Phát K, sinh năm 1949 (chồng bị hại B);

2/ Anh Hồ Sĩ N, sinh năm 1979 (con bị hại B);

3/ Chị Hồ Thị Hồng T2, sinh năm 1989 (con bị hại B);

Cùng địa chỉ: Số B ấp T, xã T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

4/ Chị Hồ Thị Đoan T3, sinh năm 1977 (con bị hại B);

5/ Chị Hồ Thị Kim D, sinh năm 1982 (con bị hại B);

Cùng địa chỉ: Số G K, Phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của của ông Hồ Phát K, chị Hồ Thị Hồng T2, chị Hồ Thị Đoan T3, chị Hồ Thị Kim D là: Anh Hồ Sĩ N, sinh năm 1979; địa chỉ số B ấp T, xã T, L, Đồng Tháp. Anh Nghĩ l đại diện theo ủy quyền của ông K, chị T2, chị T3, chị D (Theo hợp đồng ủy quyền lập ngày 07/12/2023). Anh N có mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Ông Bùi Út E, sinh năm 1972; Ông Út E1 có mặt tại phiên tòa.

2/ Chị Võ Thị Cẩm T1, sinh năm 1998; Chị T1 có mặt tại phiên tòa.

Cùng địa chỉ: Số B ấp T, xã T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

3/ Anh Đoàn Văn R, sinh năm 1980; Địa chỉ: Ấp K, xã T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp. Anh R vắng mặt tại phiên tòa, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Người làm chứng:

1/ Anh Lê Phú V, sinh năm 1987; Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp. Anh V vắng mặt tại phiên tòa.

2/ Anh Võ Văn T4, sinh năm 1974; Địa chỉ: Số C, ấp T, xã T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp. Anh T4 vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 04 giờ 45 phút ngày 01/11/2023, Bùi Lý T có giấy phép lái xe hạng A1 điều khiển xe mô tô biển số 66V-806.38 phía sau chở vợ là chị Võ Thị Cẩm T1 đi trên đường ĐT848 theo hướng xã T đi thành phố S. Khi đến đoạn đường thuộc ấp T, xã T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp (đoạn trước cơ sở nấu ăn P), lúc này có xe ô tô tải biển số 66C-076.80 của anh Đoàn Văn R đang đỗ sát lề phải để chuyển thức ăn lên xe, do không chú ý quan sát phía trước nên xe mô tô do T điều khiển va chạm vào xe đạp do bà Đặng Thị B đang dẫn bộ phía bên trái xe tải của anh R và phía trước cùng chiều với xe mô tô của bị cáo T. Hậu quả làm bà B bị chấn thương vùng đầu được đưa đến Trạm Y tế xã T sơ cứu, rồi chuyển đến Bệnh viện Đ, tỉnh Đồng Tháp cấp cứu, sau đó bà B tử vong. Kết quả luận giám định pháp y về tử thi số 1198/KL-KTHS, ngày 06/11/2023 của Phòng K1 Công an tỉnh Đ xác định nguyên nhân tử vong của bà B là do chấn thương vùng đầu gây dập và xuất huyết não.

Kết quả khám nghiệm hiện trường xác định, vụ tai nạn diễn ra tại tọa độ 10°22'58" B, 105°42'17" Đ thuộc đường Đ, ấp T, xã T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp. Vụ tai nạn giao thông đường bộ xảy ra trên đoạn đường thẳng, tầm nhìn không bị hạn chế, mặt đường trải nhựa có chiều rộng 8,6 mét, được cấu tạo bằng bê tông nhựa, trên đường có vạch kẻ đường màu vàng đứt quãng, chia mặt đường thành hai phần đường cho phương tiện chạy ngược chiều nhau. Mép đường làm chuẩn là mép đường bên phải, các số đo vào lề bên phải hướng từ xã T đi thành phố S. Vùng va chạm giữa xe mô tô biển số 66V1-806.38 do Bùi Lý T điều khiển và xe đạp do bà

Đặng Thị B dẫn bộ nằm cách lề đường chuẩn là 1,8 mét, cách đầu chấm cày ký hiệu về hướng thành phố S là 1,2 mét.

Kết quả khám nghiệm phương tiện xe mô tô biển số 66V1-806.38 sau khi xảy ra tai nạn như sau: Đầu tay thắng bên trái bị trầy xước 2cm x 2cm; đèn tín hiệu bên trái gãy vỡ ra; yếm chắn gió bên trái gãy vỡ ra; bu long trục trước bên trái bị trầy xước 1cm x 0,2 cm. Đối với xe đạp, sau khi tai nạn, cung chắn bùn sau móp thụng; chân chống đứng phía sau cong lệch sang trái, bu long, cốt xe trầy xước 1cm x 0,5cm. Kết quả kiểm tra của Cơ quan có thẩm quyền xác định bị cáo T không có nồng độ cồn trong khí thở, và âm tính với chất ma túy.

Cơ quan điều tra đã tạm giữ của Bùi Lý T 01 (một) giấy phép lái xe hạng A1, số 870154003686 mang tên Bùi Lý T do Sở Giao thông vận tải tỉnh Đ cấp ngày 15/7/2015.

Cơ quan điều tra đã tạm giữ và đã trả lại bị cáo T: cho 01 xe cùng giấy đăng ký xe mô tô biển số 66V1-806.38, nhãn hiệu Honda, loại SH150I, màu trắng đen, số máy KF25E0036969, số khung RLHKF25GY036822 (đã qua sử dụng và bị hư hỏng); Tạm giữ và đã trả lại cho anh Hồ Sĩ Nghĩa là người đại diện hợp pháp của bà Đặng Thị B: 01 xe đạp loại Martin 107, nhãn hiệu Asama, màu trắng phía trước có gắn rõ nhựa, phía sau yên có buộc đoạn gỗ để chở hàng (đã qua sử dụng và bị hư hỏng). Tạm giữ và đã trả lại cho anh Đoàn Văn R 01 xe ô tô tải biển số 66C-076.80, nhãn hiệu DONGBEN, số loại DB1021, màu bạc; 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô tải biển số 66C-076.80, số 66008535 do Phòng C Công an tỉnh Đ cấp ngày 10/3/2022; 01 Giấy phép lái xe hạng C số 870121000922 mang tên Đoàn Văn R do Sở Giao thông vận tải cấp ngày 04/3/2020.

Qua giai đoạn điều tra, truy tố, đại diện hợp pháp của bị hại yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại với tổng số tiền là 359.584.000 đồng (Chi phí mua đồ ăn, bánh thuốc, làm đám ma là 25.000.000 đồng; tiền đặt tiệc 29.500.000 đồng; tiền nhà khách; thuê bàn ghế 1.610.000 đồng; tiền hòm 16.000.000 đồng; tiền công thợ xây dựng là 22.000.000 đồng; tiền vật tư để chôn cất, xây dựng mộ mã là 60.674.000 đồng và tiền bồi thường thiệt hại tổn thất tinh thần là 180.000.000 đồng). Bị cáo Bùi Lý T đã bồi thường các khoản chi phí theo quy định cho những người đại diện hợp pháp của bị hại số 153.000.000 đồng và được đại diện hợp pháp của bị hại làm đơn bãi nại, không yêu cầu xử lý hình sự.

Tại Cáo trạng số: 09/CT-VKSLVo, ngày 15/01/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện L, tỉnh Đồng Tháp quyết định truy tố bị cáo Bùi Lý T ra Tòa án nhân dân huyện L để xét xử về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 260 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

Bị cáo Bùi Lý T khai nhận đã thực hiện hành vi như Cáo trạng nêu, bị cáo không thắc mắc khiếu nại gì về nội dung Cáo trạng, hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố; tại phần tranh luận bị cáo T cũng không phát biểu tranh luận với Kiểm sát viên, và lời nói sau cùng của bị cáo là xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người đại diện hợp pháp của bị hại thống nhất không yêu cầu bị cáo bồi thường thêm, đồng ý việc bị cáo đã bồi thường 153.000.000 đồng là chấm dứt nghĩa vụ dân sự giữa hai bên. Và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi của bị cáo Bùi Lý T đủ yếu tố cấu thành tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”.

Trên cơ sở phân tích tính chất nguy hiểm do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra, nguyên nhân, điều kiện dẫn đến tội phạm, nhân thân của bị cáo, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 260 Bộ luật hình sự; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Bùi Lý Thành hình p từ 06 (sáu) tháng đến 01 (một) năm tù.

Về vật chứng: Căn cứ khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự đề nghị Hội đồng xét xử tuyên:

Trả lại cho bị cáo Bùi Lý T một giấy phép lái xe hạng A1.

Về dân sự: Do các bên đã thỏa thuận thực hiện xong, nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Bùi Út E và chị Võ Thị Cẩm T1 không ý kiến yêu cầu gì, chỉ xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Đoàn Văn R và người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa, đã cung cấp lời khai cho các Cơ quan tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố của vụ án phù hợp với lời khai của bị cáo và diễn biến quá trình xảy ra vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện L, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện L, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, đại diện hợp pháp của bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Đoàn Văn R và người làm chứng anh Lê Phú V, anh Võ Văn T4 đã được triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt, anh R có đơn đề nghị xét xử, anh V và anh T4 vắng mặt không có lý do. Tất cả đều có lời khai tại Cơ quan tiến hành tố tụng ở giai đoạn điều tra, truy tố nên khi cần thiết Hội đồng xét xử sẽ công bố lời khai của những người này và vẫn tiến hành xét xử vắng mặt họ là phù hợp với quy định tại Điều 292, Điều 293 Bộ luật tố tụng hình sự.

[2]. Bị cáo Bùi Lý T thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, bị cáo thừa nhận do ngủ gật trong lúc điều khiển xe nên khi nhìn thấy bị hại là bà B dẫn xe đạp đi cùng chiều, T đã không xử lý kịp dẫn đến xe mô tô do T điều khiển đụng vào phía sau bên phải xe đạp của bà B làm bà B chấn thương và tử vong sau đó.

Lời thừa nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của người làm chứng ở giai đoạn điều tra, truy tố cùng các tài liệu, chứng cứ khác do cơ quan điều tra thu thập được thể hiện trong hồ sơ vụ án. Tại phần tranh luận bị cáo cũng thống nhất với nội dung cáo trạng, luận tội của Kiểm sát viên, bị cáo đã không phát biểu tranh luận. Lời nói sau cùng của bị cáo là xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Bị cáo đã có hành vi điều khiển xe mô tô tham gia giao thông không chú ý quan sát gây tai nạn giao thông. Hành vi của bị cáo phù hợp với hành vi khách quan của tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 260 Bộ luật hình sự.

“1. Người nào tham gia giao thông đường bộ mà vi phạm quy định về an toàn giao thông đường bộ thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

a) Làm chết người;

...”

[3] Bị cáo đã thực hiện hành vi tại thời điểm bị cáo đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự và có đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Bị cáo có đủ khả năng nhận thức được hành vi của mình là hành vi nguy hiểm cho xã hội xâm phạm đến trật tự an toàn giao thông đường bộ và gây thiệt hại về tính mạng, sức khỏe cho người khác. Nhưng vì tự tin cho rằng hậu quả sẽ không xảy ra bị cáo đã thực hiện hành vi với lỗi vô ý.

[4] Về tính chất mức độ của hành vi: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, làm ảnh hưởng đến tình hình trật tự an toàn giao thông đường bộ do Nhà nước quy định, cụ thể bị cáo đã xâm phạm đến các quy định nhằm bảo đảm an toàn giao thông, tính mạng, sức khỏe của người khác. Vì vậy đưa bị cáo ra xét xử công khai là cần thiết, thể hiện sự nghiêm minh của pháp luật, đồng thời nhằm mục đích giáo dục phòng ngừa chung cho xã hội. Hội đồng xét xử cần phải áp dụng mức hình phạt thích đáng, tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo gây ra.

[5] Bị cáo phạm tội nhưng không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[6] Tình tiết giảm nhẹ: Trong cả tiến trình tố tụng bị cáo đã bồi thường thiệt hại và khắc phục hậu quả; đã thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải, các tình tiết này là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Ngoài ra bị cáo còn được người đại diện hợp pháp của bị hại xin bãi nại, xin miễn trách nhiệm hình sự và giảm nhẹ hình phạt; bị cáo và gia đình là thân nhân và đang trực tiếp thờ cúng liệt sĩ (bác ruột của bị cáo T là liệt sĩ), đây là những tình tiết khác được áp dụng để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[7] Do bị cáo có hai tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, nên Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo một hình phạt dưới mức thấp nhất

của khung hình phạt được áp dụng là phù hợp với quy định của khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự.

[8]. Cáo trạng và luận tội của Viện kiểm sát nhân dân huyện L, tỉnh Đồng Tháp truy tố bị cáo Bùi Lý T về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 260 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Xét đề nghị của Viện kiểm sát về việc áp dụng các tình tiết giảm nhẹ và hình phạt là phù hợp nên chấp nhận.

[9]. Về xử lý vật chứng: Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa về việc trả lại cho bị cáo 01 (một) Giấy phép lái xe hạng A1 tên Bùi Lý T là phù hợp nên chấp nhận.

[10] Về trách nhiệm dân sự: Do bị cáo và những người đại diện hợp pháp của bị hại đã thống nhất và đã thỏa thuận bồi thường xong, người đại diện hợp pháp của bị hại không yêu cầu khác nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[11]. Bị cáo Bùi Lý T bị kết tội, nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[12]. Bị cáo; người đại diện hợp pháp của bị hại; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án này theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 260; điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 của Bộ luật hình sự.

Điểm a khoản 2 Điều 106; khoản 2 Điều 136, Điều 292, Điều 293 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

- Tuyên bố: Bị cáo Bùi Lý T phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”.

- Xử phạt: Bị cáo Bùi Lý T 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành hình phạt tù.

2. Về trách nhiệm dân sự: Không xem xét giải quyết.

3. Về vật chứng: Trả lại cho bị cáo Bùi Lý T 01 (một) Giấy phép lái xe hạng A1, số 870154003686 mang tên Bùi Lý T do Sở Giao thông vận tải tỉnh Đ cấp ngày 15/7/2015.

Vật chứng như đã nêu ở trên đang do Chi cục Thi hành án dân sự huyện L giữ theo Biên bản giao nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng lập ngày 18/01/2024 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện L với Chi cục Thi hành án dân sự huyện L.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Buộc bị cáo Bùi Lý T phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

6. Bị cáo; người đại diện hợp pháp của bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên, được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện L;
- Cơ quan CSĐT Công an huyện L;
- CC.THADS huyện L;
- Bị cáo;
- Lưu: HSVA, VPTA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Hà Thị Mỹ Xuân